

Số: 119/2026/QĐST - HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 125/2026/TLST- HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường P, tỉnh Thái Nguyên. Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố D, phường P, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm: 1986; Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố Đ, phường P, tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, ngày 10 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị P và anh Hoàng Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Trần Thị P và anh Hoàng Văn T thuận tình ly hôn.

* **Về con chung:** Chị Trần Thị P và anh Hoàng Văn T xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về tài sản chung:** Chị Trần Thị P và anh Hoàng Văn T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về nợ chung:** Chị Trần Thị P và anh Hoàng Văn T không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

* **Về án phí:** Nguyên đơn Trần Thị P tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu tiền số 0001316 ngày 02/4/2026. Trả lại cho nguyên đơn Trần Thị Phương 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 - Thái Nguyên;
- Dương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên;
- TA tỉnh Thái Nguyên (*Kèm theo biên bản hòa giải thành*);
- UBND phường Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu HS vụ án./.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hiền